



zǎo pén

澡盆

noun · bathtub

Example Sentences

Zhè gè zǎo pén hěn dà
这个澡盆很大。

This bathtub is very big.

Hái zǐ zài zǎo pén lǐ wán shuǐ
孩子在澡盆里玩水。

The child is playing with water in the bathtub.

Tā xǐ huān zài zǎo pén lǐ pào zǎo fàng sōng
她喜欢在澡盆里泡澡放松。

She likes to relax by soaking in the bathtub.

Trace each character, then write the word on your own.

澡	澡	澡	澡	澡	澡	澡	澡	澡	澡	澡
澡	澡	澡	澡	澡	澡	澡	澡			
盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆	盆
盆										